

Số: /2025/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực khai thác thủy sản

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực khai thác thủy sản.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản” tại căn cứ ban hành bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư”.

2. Thay thế cụm từ “Tổng cục Thủy sản” tại Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 21 các Phụ lục bằng cụm từ “Cục Thủy sản và Kiểm ngư”.

3. Thay thế cụm từ “Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản” tại Điều 9, Điều 13, Điều 15 và Điều 21 bằng cụm từ “Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.

4. Thay thế cụm từ “Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng” tại khoản 5 Điều 15 bằng cụm từ “Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng”.

5. Thay thế Mẫu số 01, Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT bằng Mẫu số 01, Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Thay thế Mẫu số 03, Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT bằng Mẫu số 03, Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 20 như sau:

“c) Nhóm thứ ba: Gồm 02 chữ: “TS” đối với tàu cá; gồm 03 chữ: “NTS” đối với tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; gồm 03 chữ: “BTB” đối với tàu phục vụ bảo tồn biển; gồm 03 chữ: “ĐQL” đối với tàu phục vụ hoạt động đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

2. Thay thế Mẫu số 06.ĐKT phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT bằng Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Nhật ký khai thác thủy sản, Nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản, Báo cáo khai thác thủy sản, Báo cáo thăm dò, tìm kiếm, dẫn dụ nguồn lợi thủy sản, Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết thời hạn ghi trong nhật ký, báo cáo sổ danh bạ.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày..... tháng..... năm 2025

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về Cục Thủy sản và Kiểm ngư để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ NN&MT;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ NN&MT;
- Sở NN&MT tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, TSKN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến

Phụ lục
BIỂU MẪU NHẬT KÝ KHAI THÁC THỦY SẢN; NHẬT KÝ THU MUA,
CHUYỂN TẢI THỦY SẢN; BÁO CÁO KHAI THÁC THỦY SẢN; SỔ
DANH BẠ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BNNMT ngày / /2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Mẫu số 01. Nhật ký khai thác thủy sản.

Mẫu số 02. Nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản.

Mẫu số 03. Báo cáo khai thác thủy sản.

Mẫu số 04. Báo cáo thăm dò, tìm kiếm, dẫn dụ nguồn lợi thủy sản.

Mẫu số 05. Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá.

MẪU NHẬT KÝ KHAI THÁC THỦY SẢN

CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ NHẬT KÝ KHAI THÁC THỦY SẢN NGHỀ CHÍNH: (**)	Mã định danh: (ABC-xxxxx-KT-yy-zz) ^(*)
1. Họ và tên chủ tàu:; ngày tháng năm sinh:; số định danh cá nhân: 2. Họ và tên thuyền trưởng:; ngày tháng năm sinh:; số định danh cá nhân: 3. Số đăng ký tàu:; 4. Chiều dài lớn nhất của tàu:m; 5. Tổng công suất máy chính: kW 6. Số Giấy phép khai thác thủy sản: Thời hạn đến: 7. Nghề phụ: 8. Kích thước chủ yếu của ngư cụ (ghi cụ thể theo nghề chính): a) Nghề câu: Chiều dài toàn bộ vàng câu m; Số lưỡi câu: lưỡi b) Nghề lưới vây, rê: Chiều dài toàn bộ lưới m; Chiều cao lưới m c) Nghề lưới chụp: Chu vi miệng lưới m; Chiều cao lướim d) Nghề lưới kéo: Chiều dài giềng phao m; Chiều dài toàn bộ lưới m đ) Nghề khác:	
Chuyến biển số: <i>(Ghi chuyến biển thứ mấy trong năm)</i>	9. Cảng đi:; Thời gian đi: Ngày tháng năm 10. Cảng về:; Thời gian cập cảng: Ngày tháng năm 11. Nộp Nhật ký: Ngày tháng năm ; Vào Sổ số:

Ghi chú: (*) Mã định danh: (ABC-xxxxx-KT-yy-zz) Gồm 5 nhóm ký tự ABC-xxxxx là số đăng ký tàu cá (trong đó ABC là nhóm thứ nhất, xxxxx là nhóm thứ hai quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 20 Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT); KT là nhật ký khai thác thủy sản; yy là số thứ tự chuyến biển trong năm; zz là hai số cuối của năm; VD: (QNg-90345-TS-KT-06-25)

(**) Ghi rõ nghề; đối với nghề lưới kéo đôi, nghề vây có tàu phụ chong đèn sử dụng chung một ngư cụ thì Nhật ký khai thác thủy sản ghi theo tài chính, có bổ sung thông tin về tàu phụ từ mục 1 đến mục 6.

I. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC THỦY SẢN

1. Thông tin mẻ lưới/câu

Mẻ thứ	Thời điểm bắt đầu thả (giờ, phút, ngày, tháng)	Vị trí thả		Thời điểm kết thúc thu (giờ, phút, ngày, tháng)	Vị trí thu		Sản lượng các loài thủy sản chủ yếu ^(**) (kg)						Tổng sản lượng (kg)
		Vĩ độ	Kinh độ		Vĩ độ	Kinh độ	Loài	Loài	Loài	Loài	Loài	Loài	

(**) Ghi các đối tượng khai thác chính theo từng nghề (Kéo, Rê, Vây, Câu, Chụp...). Đối với các nghề khai thác cá ngừ cần ghi rõ sản lượng của từng loài như: cá ngừ vây vàng, cá ngừ mắt to, cá ngừ vây (sọc dưa), cá ngừ khác (chù, ồ...).

2. Thông tin về các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm

Cá voi/Cá heo/Bò biển/Quản đồng/Vích/Đồi môi dứa/Đồi môi/Rùa da/Loài khác (Ghi tên cụ thể)

Mẻ	Loài	Thời điểm bắt gặp (giờ, phút, ngày, tháng)	Khối lượng/con (ước tính kg)	Số lượng ước tính (con)	Kích thước ước tính (cm)	Bắt gặp trong quá trình khai thác (chọn 1)			Tình trạng bắt gặp (chọn 1)		
						Thả lưới/câu	Kéo lưới	Khác	Sống	Chết	Bị thương

Thông tin bổ sung về loài (nếu có): (Về màu sắc loài; thiết bị, thẻ gắn số trên cá thể; ...và các thông tin khác nếu có)

.....

.....

.....

II. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN TẢI (nếu có)

TT	Ngày, tháng	Thông tin tàu thu mua/chuyển tải		Vị trí thu mua, chuyển tải		Đã bán/chuyển tải		Thuyền trưởng tàu thu mua/chuyển tải (ký, ghi rõ họ, tên)
		Số đăng ký tàu	Số Giấy phép khai thác	Vĩ độ	Kinh độ	Tên loài thủy sản	Khối lượng (kg)	

Ngày ... tháng ... năm ...

Thuyền trưởng
(ký, ghi rõ họ và tên)

MẪU NHẬT KÝ THU MUA, CHUYỂN TẢI THỦY SẢN

CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'		Mã định danh: (ABC-xxxxx-TM-yy-zz) ^(*)
NHẬT KÝ THU MUA, CHUYỂN TẢI THỦY SẢN		
1. Họ và tên chủ tàu:; ngày tháng năm sinh:; số định danh cá nhân:		
2. Họ và tên thuyền trưởng:; ngày tháng năm sinh:; số định danh cá nhân:		
3. Số đăng ký tàu:; 4. Chiều dài lớn nhất của tàu: m; 5. Tổng công suất máy chính: kW		
6. Số Giấy phép khai thác thủy sản:; Thời hạn đến:		
Chuyến biển số: <i>(Ghi số thứ tự của chuyến biển đang thực hiện trong năm)</i>	7. Cảng đi:; Thời gian đi: Ngày Tháng năm 8. Cảng về:; Thời gian cập: Ngày tháng năm 9. Nộp Nhật ký: Ngày tháng năm ; Vào Sổ số:	

A. KẾT QUẢ THU MUA, CHUYỂN TẢI CỦA CHUYẾN BIỂN

TT	Số đăng ký tàu cá	Thời gian (ngày, tháng, năm)	Vị trí thu mua, chuyển tải		Khối lượng theo loài thủy sản đã thu mua, chuyển tải (kg)						Tổng khối lượng (kg)
			Vĩ độ	Kinh độ	Loài	Loài	Loài	Loài	Loài	Loài	
1											
2											
...											
n											
Tổng khối lượng											

Ghi chú: (*) Mã định danh: (ABC-xxxxx-TM-yy-zz) Gồm 5 nhóm ký tự: ABC-xxxxx là số đăng ký tàu cá; TM là nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản; yy là số thứ tự chuyến biển trong năm; zz là hai số cuối của năm; VD: (BTh-90345-TM-08-25)

Ngày tháng năm
Thuyền trưởng tàu thu mua, chuyển tải
(ký, ghi rõ họ và tên)

B. THÔNG TIN VỀ CÁC TÀU KHAI THÁC ĐÃ CHUYỂN THUỶ SẢN CHO TÀU THU MUA, CHUYỂN TẢI (*)

I. THÔNG TIN VỀ TÀU KHAI THÁC

1. Số đăng ký tàu:; 2. Chiều dài lớn nhất của tàu: m; 3. Tổng công suất máy chính: kW
 4. Số Giấy phép khai thác thủy sản:Thời hạn đến:5. Nghề khai thác
 6. Cảng đi:; Thời gian đi: Ngày tháng năm
 7. Thời gian khai thác đối với sản phẩm được thu mua, chuyển tải: Từ ngày/...../.....đến ngày...../...../.....

II. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC THUỶ SẢN LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM THU MUA, CHUYỂN TẢI

Mê thứ	Thời điểm bắt đầu thả (giờ, phút, ngày, tháng)	Vị trí thả		Thời điểm kết thúc thu (giờ, phút, ngày, tháng)	Vị trí thu		Khối lượng loài thủy sản đã thu mua, chuyển tải (kg)						Tổng khối lượng (kg)
		Vĩ độ	Kinh độ		Vĩ độ	Kinh độ	Loài	Loài	Loài	Loài	Loài	Loài	
1													
2													
...													
n													
Tổng khối lượng													

Ngày tháng năm
Thuyền trưởng tàu khai thác thủy sản
 (ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày tháng năm
Thuyền trưởng tàu thu mua, chuyển tải
 (ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

(*) Trong phần B Nhật ký thu mua, chuyển tải cần ghi đầy đủ thông tin của từng tàu khai thác thủy sản đã bán sản phẩm cho tàu thu mua chuyển tải; chỉ sao chép các thông tin từ Nhật ký khai thác thủy sản đối với các hoạt động khai thác liên quan đến sản phẩm thủy sản đã thu mua, chuyển tải.

MẪU BÁO CÁO KHAI THÁC THỦY SẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO KHAI THÁC THỦY SẢN

CHUYẾN SỐ:/năm

Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...

1. Họ và tên chủ tàu:
2. Ngày tháng năm sinh:; số định danh cá nhân:
3. Địa chỉ chủ tàu:
4. Họ và tên thuyền trưởng:
5. Ngày tháng năm sinh:; số định danh cá nhân:
6. Số đăng ký tàu: ; 7. Tổng công suất máy chính: kW
8. Chiều dài lớn nhất của tàu: m
9. Nghề khai thác thủy sản: ; 10. Tổng số lao động: người
11. Số ngày thực tế khai thác: ; 12. Số mẻ lưới/mẻ câu trong chuyến:
13. Ngư trường khai thác chính:
 vịnh Bắc Bộ ☐; Trung Bộ ☐; Đông Nam Bộ ☐; Tây Nam Bộ ☐; giữa Biển Đông ☐
14. Tổng sản lượng khai thác thủy sản: kg

Chi tiết các nhóm thủy sản khai thác chính:

TT	Tên loài thủy sản	Sản lượng (kg)	TT	Tên loài thủy sản	Sản lượng (kg)
1			7		
2			8		
3			9		
4			10		
5			11		
6			12		

Người báo cáo
(ký, ghi rõ họ và tên)

MẪU BÁO CÁO THĂM DÒ, TÌM KIẾM, DẪN DỤ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO THĂM DÒ, TÌM KIẾM, DẪN DỤ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

CHUYẾN SỐ:/năm

Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...

1. Họ và tên chủ tàu:
2. Ngày tháng năm sinh:; số định danh cá nhân:
3. Địa chỉ chủ tàu:
4. Họ và tên thuyền trưởng:
5. Ngày tháng năm sinh:; số định danh cá nhân:
6. Số đăng ký tàu: ; 7. Tổng công suất máy chính: kW
8. Chiều dài lớn nhất của tàu: m
9. Nghề (thăm dò/tìm kiếm/dẫn dụ): ; 10. Số lao động: người
11. Số ngày hoạt động:
12. Ngư trường hoạt động:
 vịnh Bắc Bộ ☐; Trung Bộ ☐; Đông Nam Bộ ☐; Tây Nam Bộ ☐; giữa Biển Đông ☐
13. Hợp tác với tàu khai thác thủy sản: Số đăng ký tàu khai thác:
 Ăn chia sản phẩm ☐; Trả tiền trực tiếp ☐
14. Tổng sản lượng khai thác thủy sản: kg

Người báo cáo
(ký, ghi rõ họ và tên)

MẪU SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN
SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

1. Mặt ngoài của trang bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Số đăng ký:

Chủ tàu:.....

Số sổ:.....

Năm.....

Quy cách sổ:

- Kích thước: A5 (14,8 x 21) cm;
- Bìa nền màu đỏ, các trang nền màu trắng

2. Trang 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Số đăng ký:

Chiều dài tàu:

Nơi đăng ký:

Chủ tàu cá:; Điện thoại:

Ngày tháng năm sinh:; Số định danh cá nhân:

Nơi thường trú:.....

Sổ danh bạ này gồm 120 trang,
 được đánh số thứ tự từ 01 đến 120

.....Ngày tháng.....năm.....

CHI CỤC

(Ký tên, đóng dấu)

Năm.....

3. Trang 2

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Chức danh	Số văn bằng/ chứng chỉ	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
...						
...						

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... Ngày tháng năm
XÁC NHẬN CỦA CHI CỤC
(Ký tên, đóng dấu)

4. Trang 3 đến trang 18

THAY ĐỔI, BỔ SUNG DANH SÁCH THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

TT	Thuyền viên được thay		Thuyền viên mới				Ghi chú
	Họ và tên	Chức danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Số văn bằng, chứng chỉ	
1							
2							
3							
4							
5							
6							
.....							
....							

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....Ngày tháng.....năm.....
XÁC NHẬN CỦA BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

5. Trang 19 đến trang 120:

CHỨNG THỰC CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA, KIỂM SOÁT

Rời cảng	Xuất bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá: Ngày..... tháng năm Nội dung:..... Nhận xét: Tổ chức quản lý cảng cá <i>(Ký, đóng dấu)</i>	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng: Ngày..... tháng năm Gồm:.....người (...Nam,...Nữ) Nhận xét: Trạm Kiểm soát Biên phòng <i>(Ký, đóng dấu)</i>
Cập cảng	Nhập bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá: Ngày..... tháng năm Nội dung:..... Nhận xét: Tổ chức quản lý cảng cá <i>(Ký, đóng dấu)</i>	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng: Ngày..... tháng năm Gồm:.....người (...Nam,...Nữ) Nhận xét: Trạm Kiểm soát Biên phòng <i>(Ký, đóng dấu)</i>